TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23 /2023/DSPT.
Ngày: 24-5-2023
V/ v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuỷ

Bà Nguyễn Minh Lý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Đỗ Thị Thu Thuỷ- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/DSPT ngày 08 tháng 2 năm 2023 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"* Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1938

Địa chỉ cũ: Xóm TT 2, xã TQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Trú tại: Tổ 6, phường GS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng T: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1976. Có mặt, ông T vắng mặt.

Trú tại: Tổ 6, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1947

Địa chỉ cũ: tổ 15 (Nay là tổ 9), phường QV, thành phố Thái Nguyên;

Chỗ ở: Tổ 11, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 6, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Minh H: ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1976. Có mặt.

Trú tại: Tổ 6, phường GS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên;

3.2 Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958

Địa chỉ cũ: Tổ 15 (Nay là tổ 9), phường QV, thành phố Thái Nguyên;

Chỗ ở: Tổ 11, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Năm 2008, tôi có mua của gia đình ông D trú tại xóm CN, phường QV, thành phố TN mảnh đất có diện tích 532,5 m^2 đất có đường đi chung rộng 3m (theo sơ đồ tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO202860 cấp ngày 27/2/2009 mang tên tôi) Năm 2010 tôi đã tặng cho bố tôi là ông Nguyễn Trọng T266,25 m^2 đất.

Hiện nay gia đình ông D đã xây công trình lấn chiếm đường đi chung của gia đình tôi và lấn một phần sang đất của tôi. Gia đình tôi đã gặp gia đình ông D để giải quyết nhưng không được, tôi đã đề nghị UBND phường QV giải quyết bằng hòa giải nhưng không thành. Vậy tôi làm đơn này khởi kiện ông D việc lấn chiếm đất và đường đi chung.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xem xét, giải quyết bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình tôi, buộc gia đình ông D phải tháo dỡ bức tường xây trả lại 4,1 m^2 đất đang lấn chiếm; Đề nghị gia đình ông D phải trả lại khoản tiền chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng; tiền đo đạc là 2.473.000 đồng. Tổng cộng là: 4.473.000 đồng.

Ông Nguyễn Trọng T trình bày: Năm 2010, tôi được vợ chồng con trai tôi là Nguyễn Hoàng L tặng cho mảnh đất tại xóm CN, phường QV, thành phố Thái Nguyên với diện tích là 266,25 m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC736093 cấp ngày 30/3/2011 (đất có đường đi chung). Hiện nay tôi đã sử dụng đất này để xây nhà dùng để cho thuê trọ. Hiện nay gia đình ông D đã xây công trình lấn chiếm đường đi chung của gia đình tôi và lấn một phần sang đất của tôi. Ông làm đơn này khởi kiện ông D việc lấn chiếm đất và đường đi chung và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xem xét, giải quyết bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình tôi, buộc gia đình ông D trả lại diện tích đường đã lấn chiếm và 1 phần đất của gia đình tôi (Diện tích đất và đường lấn chiếm khoảng 30m^2) giá tạm tính 30m^2 đất khoảng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); Buộc gia đình ông D phải tháo dỡ toàn bộ công trình đã lấn chiếm và vận chuyển toàn bộ số vật liệu đã sử dụng vào việc xây dựng và trả lại hiện trạng ban đầu khi chưa lấn chiếm.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoàng L và ông Nguyễn Trọng T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là bồi thường thiệt hại đối với bị đơn. Tại phiên toà sơ thẩm ông Nguyễn Trọng T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông D và bà P.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ngày 28/8/2005 gia đình tôi được UBND thành phố Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 638955 mang tên hộ ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị P có thửa đất số: 248, tờ bản đồ số: 18, diện tích 979 m^2. Trong đó có 300 m^2 đất ở tại đô thị và 679 m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất xóm CN (Nay là tổ 9), phường QV, thành phố TN.

Ngày 06/10/2008 tôi với anh Nguyễn Hoàng L ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng 500 m^2 tại đất tại thửa đất số: 248, tờ bản đồ số: 18. Trong đó có 150 m^2 đất thổ cư và 350 m^2 đất vườn tạp với giá tiền là 240.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng được chuyển trước cho ông D, còn lại 200.000.000 đồng khi nào làm xong thủ tục tách bìa đỏ anh L thanh toán nốt.

Sau khi ký hợp chuyển nhượng anh L đã đi làm thủ tục chuyển nhượng. Ngày 27/02/2009 UBND thành phố Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AO 202860 mang tên hộ ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H có thửa đất số: 469, tờ bản đồ số: 18, diện tích 532,5 m^2. Trong đó có 150 m^2 đất ở tại đô thị và 382,5 m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất xóm CN (Nay là tổ 9), phường QV, thành phố TN

Ngày 30/3/2011 ông Nguyễn Trọng T được UBND thành phố Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 736093 do ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H tặng cho có thửa đất số: 487, tờ bản đồ số: 18, diện tích 266,25 m^2. Trong đó có 75 m^2 đất ở tại đô thị và 191,25 m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất xóm CN (Nay là tổ 9), phường QV, thành phố TN.

Sau khi anh Nguyễn Hoàng L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi mới phát hiện ra là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh L được cấp diện tích 532,5 m^2. Trong đó có 150 m^2 đất ở tại đô thị và 382,5 m^2 đất trồng cây lâu năm là không đúng với Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng 500 m^2 tại đất tại thửa đất số: 248, tờ bản đồ số: 18. Trong đó có 150 m^2 đất thổ cư và 350 m^2 đất vườn tạp cho nên tôi đã có đơn gửi Sở Lao động, thương binh xã hội tỉnh Thái Nguyên nơi anh L và tôi đang công tác.

Tại Biên bản cuộc họp ngày 25/01/2013 do Sở Lao động, thương binh xã hôi tỉnh Thái nguyên lập thì hai bên đã thỏa thuận là: Đề nghị vẫn để đường đi chung và mỗi bên chịu một nửa (Bằng đất và tiền) bù trừ phần chênh lệch 32,5 m^2, còn lại anh L phải trả bằng tiền 6,5 m^2 cho ông D với giá 1.000.000/m^2 trong thời hạn 10 ngày sau khi đo đạc lại và cam kết 2 bên thông qua UBND phường QV. Nay tôi vẫn đồng ý với thỏa thuận này.

Việc anh L cho rằng đã đồng ý và tiến hành đo đạc nhưng gia đình tôi không đồng ý là không đúng mà cho đến năm 2014 mới tiến hành đo đạc.

Đất của tôi không có đường dân sinh, không có đường đi chung. Tôi đã để con đường rộng 3m để đi vào phần đất của anh L. Còn anh L bán cho ai thì anh phải có đất cho người ta đi chứ không được lấy đất của tôi để làm đường đi chung. Việc anh khởi kiện cho rằng tôi lấn chiếm một phần đất là không đúng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST Ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã Quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H;

3. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Pphải tháo dỡ bức tường xây từ các mốc 7; 8; 9 có chiều dài là 8,78 m x chiều cao 1,5 m và trả lại 4,1 m^2 đất tại thửa đất số: 469, tờ bản đồ số: 18 cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H có giá trị là 5.330.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo).

- Phía Đông giáp thửa đất số: 469 có chiều dài là 8,78 m;
- Phía Tây giáp đường đi chung có chiều dài là 9,0 m;
- Phía Bắc giáp với thửa đất số: 432 có chiều dài là 2,30 m.

Ngoài ra còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/01/2023 ông Nguyễn Văn D làm đơn kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm đề nghị xem xét lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ

ban thường vụ Quốc hội. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn D. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, hoàn trả án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Trọng T là 700.000 đồng và miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 2008, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Pchuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H 532,5 m^2 đất, trong đó có 150m^2 đất ở tại đô thị và 382,5m^2 đất trồng cây lâu năm. D tích đất chuyển nhượng cho ông L và bà H thuộc một phần thửa đất số 248 tờ bản đồ số 18 của gia đình ông D và bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/8/2005. Địa chỉ thửa đất tại xóm CN, phường QV, thành phố TN.

Ông D, bà P và ông L, bà H có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và có chứng thực của UBND phường QV, thành phố Thái Nguyên ngày 20/10/2008, có chữ ký của ông D, bà P, ông L, bà H. Tại hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nêu trên có vẽ sơ đồ thửa đất ông L và bà H nhận chuyển nhượng của ông D, bà P và trong sơ đồ đó có thể hiện phần giáp đất của ông L, bà H và đất của ông D, bà P có đường dân sinh rộng 3m dài 18m.

Ngày 27/02/2009 ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa đất 469 tờ bản đồ số 18 diện tích 532,5 m^2 đất, trong đó có 150m^2 đất ở tại đô thị và 382,5m^2 đất trồng cây lâu năm. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông L, bà H, cơ quan quản lý đất đai đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, có biên bản về việc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và chỉnh lý bản đồ ngày 20/10/2008 có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn D là đại D chủ đất (Bút lục 188).

Như vậy, Hồ sơ nhận chuyển nhượng QSD đất đối với thửa đất số 469 tờ bản đồ số 18 diện tích 532,5 m^2 đã có đường đi tại phần ranh giới giữa hai thửa đất số 469 của ông L, bà H với thửa đất 248 của ông D, bà P. Ông D và bà P cho rằng khi bán đất cho ông L, bà H không thoả thuận có đường đi như giấy chứng nhận QSD đất của ông L là không có căn cứ.

Năm 2010 ông L, bà H đã tặng cho bố đẻ là ông Nguyễn Trọng T 266,25 m^2 tại thửa đất số 469, đồ số 18.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Đường ranh giới giữa thửa đất số: 469, tờ bản đồ số: 18 của ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H giáp với đường đi chung được giới hạn bởi các mốc 7; 8; 9; 11 có chiều dài là 17,64 m. Trong đó phần tranh chấp vào thửa đất số: 469, tờ bản đồ số: 18 của ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H từ các mốc 7; 8; 9 có chiều dài là 8,78 m, còn lại bức tường do ông D xây trên diện tích đường đi chung là các mốc 9; 11 có chiều dài là 8,86 m. Diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số: 18 của ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H chỉ có duy nhất

bức tường do gia đình ông D xây dọc theo bức tường nhà trọ lấn sang phần đất của ông L, bà H là 4,1 m^2 đất.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 26/4/2023, ông D, bà P cho rằng: Toàn bộ diện tích thửa đất số 248 tờ bản đồ số 18 ông D và bà P đã bán cho người khác nhưng không biết tên tuổi, địa chỉ của người mua vì bán qua người môi giới đất, nay đất của ông D và bà P đã bán cho chủ mới và đã phá toàn bộ nhà và các công trình xây dựng trên đất, không còn bức tường xây cũ hiện nay ông L, bà H đang tranh chấp.

Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên toà, tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thái Nguyên. Kết quả như sau: Trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Thái Nguyên từ năm 2021 đến nay, thửa đất 248 tờ bản đồ số 18, địa chỉ phường QV, thành phố Thái Nguyên chưa tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động chuyển quyền.

Tại phiên toà hôm nay, ông Nguyễn Hoàng L xác định hiện nay bức tường do ông D bà P xây đang có tranh chấp với gia đình nhà ông vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và xét xử sơ thẩm, ông L đã cung cấp cho Hội đồng xét xử một bức ảnh mầu chụp lại bức tường xây đang tranh chấp còn nguyên vẹn, không bị ai đập phá.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Hoàng L. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P phải tháo dỡ bức tường xây từ các mốc 7; 8; 9 có chiều dài là 8,78 m x chiều cao 1,5 m và trả lại 4,1 m^2 đất tại thửa đất số: 469, tờ bản đồ số: 18 cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H có giá trị là 5.330.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo). Cụ thể: Phía Đông giáp thửa đất số: 469 có chiều dài là 8,78 m; Phía Tây giáp đường đi chung có chiều dài là 9,0 m; Phía Bắc giáp với thửa đất số: 432 có chiều dài là 2,30 m là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn D không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Do ông D không được chấp nhận kháng cáo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án thì người kháng cáo không được chấp nhận thì phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi, tại phiên toà ông D đề nghị xem xét miễn án phí cho ông. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn D.

Về phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm tuyên trả cho ông Nguyễn Trọng T 200.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Mặc dù ông T không có kháng cáo nhưng Hội đồng xét xử thấy, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của ông Nguyễn Trọng T là 700.000 đồng, Toà án cấp sơ thẩm tuyên trả cho ông T 200.000đồng là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Mặt khác, ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 235, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 175, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166 Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L.

3. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P phải tháo dỡ bức tường xây từ các mốc 7; 8; 9 có chiều dài là 8,78 m x chiều cao 1,5 m và trả lại 4,1 m^2 đất tại thửa đất số: 469, tờ bản đồ số: 18 cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H có giá trị là 5.330.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo).

- Phía Đông giáp thửa đất số: 469 có chiều dài là 8,78 m;
- Phía Tây giáp đường đi chung có chiều dài là 9,0 m;
- Phía Bắc giáp với thửa đất số: 432 có chiều dài là 2,30 m.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng; tiền đo đạc là 2.473.000 đồng. Tổng cộng là: 4.473.000 đồng.

5. Về án phí: ông Nguyễn Hoàng L và bà Lê Thị Minh H; ông Nguyễn Trọng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng L 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên ngày 10 tháng 6 năm 2013 biên lai số: 000.9627.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T 700.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên ngày 10 tháng 6 năm 2013 biên lai số: 000.9626.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000584 ngày 12/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương